|  |  |
| --- | --- |
| Đề 6 – Ngày 275 |  |
|  |  |

**Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái A, B, C hoặc D đứng trước câu trả lời đúng nhất.**

**Câu 1:** Nhóm chỉ gồm các oxit bazơ:

A. CaO, Na2O, BaO B. CO2, SiO2 , P2O5

C. CO2, SO3, BaO D. CO2, CO, N2O5

**Câu 2.** Trong phòng thí nghiệm khí lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ cặp chất:

A. K2SO4 và HCl B. K2SO3 và NaCl

C. NaOH và HCl D. Cu và H2SO4 đặc, nóng

**Câu 3.**  Sản phẩm của phản ứng phân huỷ Cu(OH)2 bởi nhiệt là:

A. CuO và H2O B. CuO và H2 C. Cu và H2 D. Cuvà H2O

**Câu 4.** Tính chất vật lí chung của kim loại là:

A. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

B. Tính dẻo, tính cứng, tính dẫn điện và nhiệt.

C. Tính dẻo, có ánh kim, tính cứng.

D. Tính dẻo, có ánh kim, có khối lượng riêng lớn.

**Câu 5.** Dãy chất gồm toàn hiđrocacbon là:

A. C6H6; CH3Cl; CH3Br; C5H12 B. C4H8; CCl4; C2H6; C2H2

C. C2H2; C4H8; C5H10; CH4 D. CH3Cl; CCl4; C2H6O; C3H4

**Câu 6.** Phản ứng hóa học đặc trưng của hợp chất hữu cơ chỉ có liên kết đơn là:

A. Phản ứng thế.                    B. Phản ứng cộng.

C. Phản ứng trùng hợp                           D. Phản ứng phân hủy.

**Câu 7.** Chất tác dụng với nước tạo thành dung dịch làm dung dịch phenolphtalein không màu chuyển thành màu đỏ là:

A. CO2 B. K2O C. P2O5  D. CuO

**Câu 8.** Nhóm các kim loại đều tác dụng với dung dịch HCl tạo muối và giải phóng H2 là: A. Mg, Fe, Al B. Mg, Cu, Al C. Mg, Ag, Fe D. Ca, Ba, Ag

**Câu 9.** Rượu etylic tác dụng được với natri vì:

A. trong phân tử có nguyên tử oxi.

B. trong phân tử có nguyên tử hiđro và nguyên tử oxi.

C. trong phân tử có nguyên tử cacbon, hiđro và nguyên tử oxi.

D. trong phân tử có nhóm – OH.

**Câu 10.** Cho rượu etylic 900 tác dụng với natri. Số phản ứng hóa học có thể xảy ra là : A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 11.** Có hiện tượng gì xảy ra khi cho Cu vào dd HCl.

A. Xuất hiện dung dịch màu xanh B. Có khí bay ra

C. Có kết tủa xanh tạo thành D. Không có hiện tượng gì

**Câu 12.** Rót dung dịch CH3COOH vào dd K2CO3. Hiện tượng xảy ra là:

A. Không có hiện tượng gì B. xuất hiện kết tủa trắng

C. có chất khí thoát ra D. Cả B và C.

**Câu 13.** Cho dung dịch axit sunfuric loãng, nhôm và các dụng cụ như thí nghiệm hình 5.8. Hãy chọn câu trả lời đúng trong các câu sau:

A.Có thể dùng các hóa chất và dụng cụ đã cho để điều chế và thu khí oxi.

B.Có thể dùng các hóa chất và dụng cụ đã cho để điều chế và thu không khí.

C.Có thể dùng các hóa chất và dụng cụ đã cho để điều chế và thu khí hiđro.

D.Có thể dùng để điều chế khí hiđro nhưng không thu được khí hiđro.



**Câu 14.**Khí etilen làm cho trái cây mau chín, đó là do:

A. Etilen phản ứng với hơi nước trong không khí toả nhiệt nên quả mau chín.

B. Etilen phản ứng với nước có trong trái cây, toả nhiệt nên làm quả cây mau chín.

C. Etilen kích thích sự hô hấp của tế bào trái cây làm cho quả xanh mau chín.

D. Etilen cho phản ứng cộng với dung dịch brom.

**Câu 15.** Có các oxit sau đều ở thể rắn Na2O, Fe2O3, SiO2. Để nhận biết các oxit trên cần dùng :

A. Nước và dd axit HCl B. Nước và dd Ca(OH)2

C. Nước và giấy quỳ tím D. Chỉ dùng giấy quỳ tím

**Câu 16.** Cho các dung dịch sau đựng trong các lọ mất nhãn:Na2SO4; NaCl, H2SO4, BaCl2. Hãy chọn chất nào sau đây làm thuốc thử để nhận biết 3 dung dịch trên.

A. Quỳ tím B. dd HCl. C. dd KOH D. dd NaOH

**Câu 17.** Cho 2,24 lít khí CO2 (đktc) tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch KOH tạo thành muối K2CO3. Nồng độ mol của dd KOH là:

1,5 M B. 2M C. 1M D. 3M

**Câu 18.**  Cho 31g Na2O tan hoàn toàn trong nước thu được 1 lít dung dịch X. Nồng độ của X là:

A. 1M B. 0,5M C. 2M D. Kết quả khác

**Câu 19.** Đốt cháy 3,2g lưu huỳnh trong một bình chứa 1,12 lít khí O2 (đktc). Thể tích khí SO2 thu được là:

A. 4,48lít B. 2,24 lít C. 1,12 lít D. 3,36 lít

**Câu 20.** Cho 23 gam rượu etylic nguyên chất tác dụng với natri dư. Thể tích khí H2 thoát ra ( đktc) là:

A. 2,8 lít. B. 5,6 lít. C. 8,4 lít. D. 11,2 lít.

**Câu 21.** Hòa tan 6,4g kim loại A hóa trị II trong bình chứa oxi, người ta thu được 8g oxit. Công thức hóa học của kim loại là:

A. Cu B. Fe C. Mg D. Al

**Câu 22.** Cho 3,2 gam hỗn hợp CuO và Fe2O3 tác dụng hết với dung dịch HCl thu được 2 muối có tỉ lệ mol 1:1. Khối lượng muối CuCl2 và FeCl3 lần lượt là:

A.2,7g và 3,25g B. 3,25g và 2,7g

C. 0,27g và 0,325g D. 0,325g và 0,27g.

**Câu 23.**  Nung hỗn hợp FeO và Fe2O3 (thể tích không đáng kể) trong bình kín chứa 2,24 lít CO (Đktc). Khối lượng hỗn hợp khí thu được sau phản ứng là 36 gam. Phần trăm về thể tích của CO và CO2 trong hỗn hợp khí thu được là:

A.20%, 80% B. 30%, 70% C. 40%, 60% D. 50%, 50%

**Câu 24.** Đốt cháy hoàn toàn 3,4 gam hỗn hợp CH4 và H2 thì thu được 11,2 lít hơi H2O (đktc). Thành phần phần trăm theo khối lượng của mỗi khí trong hỗn hợp ban đầu là:

A. 90 và 10 B. 60 và 40 C. 94,12 và 5,88 D. 91,12 và 8,88

**Câu 25**. Đốt cháy hoàn toàn một hiđrocacbon (X) thu được 6,72 lít CO2 (đktc) và 5,4 gam H2O. Biết 1 lít khí (X) (đktc) nặng 1,25 gam. Công thức phân tử của hiđrocacbon (X) là:

A. CH4 B. C2H4 C. C3H8 D. C2H6

**Biết C = 12, O = 16, K = 39, H = 1, Na = 23, S = 32, Cu = 64, Fe = 56, Cl =35,5**